

# Về phạm tội chưa đạt và một số hình thức phạm tội khác trong quá trình thực hiện tội phạm

Trịnh Tiên Việt\*

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,  
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 16 tháng 6 năm 2009

**Tóm tắt.** Từ việc nghiên cứu lý luận về các giai đoạn phạm tội, tác giả bài viết phân tích làm rõ khái niệm và các dấu hiệu (đặc điểm) cơ bản của phạm tội chưa đạt, phân biệt phạm tội chưa đạt với một số hình thức phạm tội khác trong quá trình thực hiện tội phạm. Trên cơ sở đó, kiến nghị hoàn thiện Bộ luật hình sự năm 1999 liên quan đến các hình thức phạm tội này.

Tội phạm là một hiện tượng tiêu cực nhất trong xã hội, xuất hiện cùng với sự ra đời của Nhà nước và pháp luật, cũng như khi xã hội phân chia thành giai cấp đối kháng [1]. Để bảo vệ các quyền lợi của giai cấp cầm quyền, Nhà nước đã quy định những hành vi nguy hiểm cho xã hội nào là tội phạm và áp dụng trách nhiệm hình sự đối với người nào thực hiện các hành vi đó nên tội phạm lại mang bản chất là một hiện tượng pháp lý. Là hiện tượng tiêu cực mang thuộc tính xã hội - lịch sử - pháp lý, tội phạm luôn chứa đựng trong mình đặc tính chống lại Nhà nước, chống lại xã hội, đi ngược với lợi ích chung của cộng đồng, trật tự xã hội, xâm phạm đến quyền, tự do và các lợi ích hợp pháp của con người.

Tội phạm diễn ra ở các giai đoạn khác nhau thì mức độ nguy hiểm cho xã hội cũng khác nhau, việc thực hiện tội phạm có ý trong nhiều trường hợp nó là một quá trình thỏa mãn dần các dấu hiệu cơ bản của cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong Phần các tội phạm Bộ luật hình sự. Trong quá trình tiến hành dần từng bước đó, có thể do nhiều nguyên nhân khách

quan khác nhau không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của người phạm tội mà hành vi của họ phải dừng lại khi mới chuẩn bị điều kiện để thực hiện hoặc khi chưa thực hiện hoàn thành tội phạm nào đó. Trong khi đó, pháp luật hình sự lại đặt ra nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm - không chỉ bảo vệ các quan hệ xã hội được luật hình sự xác lập và bảo vệ đã bị tội phạm xâm hại, mà cần bảo vệ chúng (các quan hệ xã hội đó) trong những trường hợp chưa bị tội phạm xâm hại đến. Nói một cách khác, pháp luật hình sự của Nhà nước đặt ra yêu cầu phải xử lý đồng bộ tất cả các hành vi nguy hiểm cho xã hội là hành vi thực hiện hoàn thành một tội phạm và cả hành vi phạm tội chưa đạt - hành vi chưa hoàn thành. Bởi lẽ, việc phát hiện, trừng trị những hành vi phạm tội chưa hoàn thành là nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại do hành vi phạm tội có thể gây ra cho xã hội, cho Nhà nước và cho công dân. Nói một cách khác, không để cho tội phạm gây ra nguy hiểm cho xã hội thì tốt hơn để cho tội phạm xảy ra mới tìm cách khắc phục - phòng, chống, do đó - đây chính là một yêu cầu có ý nghĩa tiên quyết thể hiện trong chính sách hình sự của Nhà nước ta. Chính sách hình sự, đúng như GS TS VI

\*ĐT: 84-4-37547512.

E-mail: viet180411@yahoo.com



Đào Trí Úc đã viết: “là một bộ phận của chính sách pháp luật, bởi vì đó là những định hướng, những chủ trương trong việc sử dụng pháp luật hình sự vào lĩnh vực đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa tội phạm”[2]. Mặt khác, đây cũng là nhiệm vụ, chức năng của một ngành khoa học mới nghiên cứu về quy luật phát sinh, tồn tại và phát triển của tội phạm để có biện pháp phòng ngừa - Tội phạm học. Vì theo cách định nghĩa ngắn gọn của tác giả Can Ueda thì quan niệm: “*Tội phạm học là khoa học nghiên cứu tội phạm và đề ra các biện pháp đấu tranh phòng, chống*”[3]. Tuy nhiên, trong diễn biến (quá trình) thực hiện tội phạm trên thực tiễn, việc xác định chính xác từng thời điểm, từng giai đoạn phạm tội để phân hóa tội phạm và cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội không phải lúc nào cũng dễ dàng và chính xác, đặc biệt là phân định ranh giới giữa các hình thức phạm tội khác nhau trong quá trình thực hiện tội phạm. Cho nên, việc góp phần làm sáng tỏ thêm giai đoạn phạm tội chưa đạt và phân biệt nó với các hình thức phạm tội khác trong quá trình thực hiện tội phạm có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp thiết, qua đó nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm yêu cầu xử lý đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, tránh làm oan người vô tội, đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho việc định tội danh, quyết định hình phạt có căn cứ, khách quan và đúng pháp luật đối với người phạm tội. Ngoài ra, đây còn là đòi hỏi quan trọng của nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa thể hiện trong luật hình sự Việt Nam. Pháp chế chính là đòi hỏi quan trọng của pháp luật. “Pháp chế như là tính thiêng liêng của pháp luật, tính bền vững của các quy phạm pháp lý... Pháp chế có mối quan hệ chặt chẽ với pháp luật, với bình đẳng và với sự tuân thủ luật pháp, không một ai, không một người nào có bất kỳ một đặc quyền nào trước pháp luật...” [4].

### 1. Khái niệm và các dấu hiệu (đặc điểm) cơ bản của phạm tội chưa đạt

Cũng như các hành động tồn tại trong xã hội, hành vi phạm tội thường trải qua một số

giai đoạn. Các giai đoạn phạm tội là những bước trong quá trình thực hiện tội phạm do cố ý và bao gồm chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành. Các giai đoạn phạm tội này ngắn hay kéo dài tùy thuộc vào quá trình của hành vi phạm tội và người phạm tội thực hiện trên thực tế. Việc phân chia các giai đoạn phạm tội trong luật hình sự thể hiện ý chí chủ quan của các nhà làm luật đối với diễn biến khách quan của hành vi phạm tội xảy ra trong thực tế [5]. Tuy nhiên, có ba điểm khác nhau cơ bản giữa các giai đoạn phạm tội chính là ở những yếu tố khách quan của hành vi phạm tội bao gồm: 1) Tính chất nguy hiểm cho xã hội của các hành vi phạm tội; 2) Mức độ thực hiện ý định phạm tội của chủ thể thực hiện hành vi và; 3) Thời điểm chấm dứt của những hành vi đó [6]. Trên thực tế, để thực hiện một tội phạm trong nhiều trường hợp người phạm tội phải tiến hành từng bước, từng bước một để hoàn thành tội phạm (như: hình thành ý định và biểu lộ ý định phạm tội, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, chuẩn bị thực hiện hành vi liên kế và dần thực hiện hành vi phạm tội). Tuy vậy, ở đây về phương diện *chủ quan* có sự đối lập thể hiện ở chỗ - mặc dù hành vi phạm tội bị dừng lại nhưng người phạm tội đã cố ý thực hiện hành vi đó và vẫn muốn thực hiện tiếp hành vi phạm tội của mình, vì trong tư tưởng, suy nghĩ của họ bao giờ cũng mong muốn thực hiện toàn bộ quá trình đó để đạt được kết quả như dự định đã đặt ra ban đầu. Song, thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm, có không ít trường hợp người phạm tội không thực hiện được đầy đủ những dự định đó hoặc họ không tiến hành thực hiện được hành vi phạm tội đến cùng vì những nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn của mình.

Qua nghiên cứu các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành cho thấy, kế thừa và tiếp thu có chọn lọc lý luận của khoa học luật hình sự và các văn bản pháp luật trong nước trước đây và một số nước trên thế giới hiện nay, cũng như xuất phát từ thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, các nhà làm luật nước ta đã ghi nhận rõ ràng *đ* phạm tội chưa đạt tại Điều 18 của Bộ



Trong khi đó, quan điểm về phạm tội chưa đạt trong khoa học luật hình sự Việt Nam và nhiều nước trên thế giới còn có các ý kiến khác nhau [7]. Tuy nhiên, dưới góc độ khoa học luật hình sự, *phạm tội chưa đạt là một giai đoạn trong quá trình thực hiện tội phạm do cố ý trực tiếp, đồng thời là trường hợp một người đã bắt đầu thực hiện hành vi phạm tội, xâm phạm đến các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ nhưng không thực hiện được hành vi đó đến cùng vì những nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn của người đó.*

Như vậy, từ khái niệm nêu trên, căn cứ vào các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, cũng như thực tiễn, theo chúng tôi các dấu hiệu (đặc điểm) của phạm tội chưa đạt bao gồm:

### 1.1. Về phương diện khách quan

Phạm tội chưa đạt bao gồm *bốn* dấu hiệu (đặc điểm) cơ bản sau: 1) Đây là một giai đoạn phạm tội chưa hoàn thành (hay sơ bộ) thứ hai trong các giai đoạn phạm tội do cố ý trực tiếp; 2) Chủ thể đã bắt đầu thực hiện hành vi phạm tội được quy định trong cấu thành tội phạm tương ứng của Phần các tội phạm Bộ luật hình sự (hay nói một cách khác, hành vi phạm tội chưa đạt đã xâm phạm đến các quan hệ xã hội được luật hình sự xác lập và bảo vệ); 3) Chủ thể chưa (hoặc không) thực hiện được hành vi phạm tội đến cùng (có nghĩa hành vi của người này chưa thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu thuộc mặt khách quan của cấu thành tội phạm) là do nguyên nhân khách quan khác nhau nào đó ngoài ý muốn chủ quan của người phạm tội và; 4) Hậu quả của tội phạm mà người phạm tội mong muốn đạt được đã không xảy ra hoặc nếu có thể xảy ra thì chưa thỏa mãn với hậu quả được quy định trong cấu thành tội phạm tương ứng của Phần các tội phạm Bộ luật hình sự.

### 1.2. Về phương diện chủ quan

Phạm tội chưa đạt bao gồm *hai* dấu hiệu (đặc điểm) cơ bản sau: 1) Lỗi của người phạm tội trong giai đoạn này là *cố ý trực tiếp* (chúng tôi nhấn mạnh - tác giả), vì lý luận khoa học

luật hình sự đã chứng minh, mặt lập pháp hình sự đã ghi nhận [8] và thực tiễn xét xử đã thừa nhận chỉ có lỗi cố ý trực tiếp mới tồn tại các giai đoạn phạm tội và; 2) Mục đích phạm tội là mong muốn thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội và mong muốn cho hậu quả của tội phạm xảy ra, nhưng hậu quả không xảy ra như dự định của người phạm tội.

## 2. Phân biệt phạm tội chưa đạt với một số hình thức phạm tội khác trong quá trình (diễn biến) thực hiện tội phạm

Như đã đề cập, bên cạnh với việc thực hiện tốt nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm, thì pháp luật hình sự cũng đặt ra yêu cầu phải bảo vệ các quan hệ xã hội trong tất cả các thời điểm khác nhau, đồng thời xác định chính xác từng giai đoạn phạm tội trong thực tiễn để có đường lối xử lý công bằng về mặt pháp lý và thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự có căn cứ và đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, tránh làm oan người vô tội. Điều 1 Bộ luật hình sự ghi nhận nhiệm vụ của Bộ luật: "...đấu tranh *phòng ngừa* và chống tội phạm" cũng chính là thể hiện tư tưởng trên. Cho nên, để làm tốt điều này đòi hỏi phải có sự phân định *ranh giới* chính xác không chỉ trên phương diện khoa học mà cả dưới phương diện thực tiễn áp dụng phạm tội chưa đạt và một số hình thức phạm tội khác trong quá trình thực hiện tội phạm.

### 2.1. Phạm tội chưa đạt và ý định phạm tội

Ý định phạm tội là trường hợp một người trước khi thực hiện tội phạm thì những dự định phạm tội trong tư tưởng, suy nghĩ của người này được biểu lộ ra bên ngoài dưới nhiều hình thức khác nhau như: bằng lời nói, cử chỉ, chữ viết, hình vẽ, thái độ... hoặc cũng có thể không biểu hiện ra bên ngoài và không ai biết được. Tuy nhiên, dưới góc độ *pháp lý*, tính chất nguy hiểm cho xã hội của dạng - hình thức này là rất nhỏ và các cơ quan tiến hành tố tụng khẩn để chứng minh được mức độ n



cho xã hội, vì trên thực tế dù một người rõ ràng có dự định (ý định) phạm tội nhưng ý định đó chưa hoàn toàn chắc chắn đã được họ thực hiện. Lẽ dĩ nhiên, khi mới chỉ nảy sinh ý định phạm tội thì còn rất nhiều yếu tố chủ quan và khách quan khác nhau tác động đến làm cho chủ thể có ý định đó lựa chọn hai khả năng xử sự - hoặc là sẽ phát triển lớn dần ý định thành những toan tính, nghĩ suy, sau đó dẫn đến quyết định hành động phạm tội nhưng - cũng có thể sẽ bị loại bỏ ngay tức khắc ý nghĩ đó vì các nguyên nhân bất kỳ khác nhau.

Như vậy, phạm tội chưa đạt khác với ý định phạm tội là ở chỗ: nếu trường hợp *thứ nhất* (phạm tội chưa đạt), chủ thể từ khi có ý định phạm tội đã bắt đầu có những biểu hiện là hành động, đồng thời bắt tay vào việc thực hiện một hành vi phạm tội cụ thể được quy định trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm tương ứng thuộc Phần các tội phạm Bộ luật hình sự, - có nghĩa hành vi của người này đã xâm hại đến các quan hệ xã hội được luật hình sự xác lập và bảo vệ, đồng thời mặc dù hành vi đó chưa (hoặc không) thực hiện được đến cùng do những nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn của chủ thể, song dưới góc độ *pháp lý*, người này vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội chưa đạt trên những cơ sở chung. Trong khi đó, về phương diện *khách quan*, đối với trường hợp *thứ hai* (ý định phạm tội) thì rõ ràng chưa hề xâm hại đến các quan hệ xã hội được luật hình sự xác lập và bảo vệ, cũng như chưa gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội nên ở đây, người có ý định phạm tội *không* phải chịu trách nhiệm hình sự, đúng như C. Mác đã viết: “Nếu chỉ có sự biểu lộ đơn giản ý định làm cái này hoặc cái khác thì không thể lấy đó làm cái để truy tố tội về mặt hình sự, cũng như về mặt chính sách cải tạo”. Nói một cách khác, đến chừng nào ý định đó chưa được cụ thể hóa bằng các biểu hiện thực tế ra bên ngoài thế giới khách quan thông qua các hành động cụ thể thì chừng đó, ý định của chủ thể chưa thể xác lập và tạo ra cấu thành bất kỳ một sự vi phạm nào, dù là vi phạm pháp luật (chứ chưa khẳng định đến là nó còn không cấu thành tội phạm), đồng thời ý định đó nằm

ngoài phạm vi điều chỉnh của cái gọi là “pháp luật”. Tư tưởng này còn chính là nền tảng vững chắc mà C. Mác đã phát triển, đồng thời xây dựng thành luận điểm nổi tiếng thể hiện nguyên tắc trách nhiệm pháp lý trên cơ sở hành vi của chủ thể thực hiện. Mặc dù vậy, pháp luật hình sự nước ta cũng có trường hợp loại lệ đặc biệt, đó là riêng trường hợp khi ý định phạm tội được biểu lộ ra bên ngoài có căn cứ và cơ sở thực tiễn xác đáng thì sẽ cấu thành tội phạm và bị xử lý ở *tội đe dọa giết người* (Điều 103 Bộ luật hình sự) vì nếu cứ để ý định đó biểu lộ ra phát triển thành hành vi, thì mức độ nguy hiểm cho xã hội sẽ tăng lên đáng kể và sẽ gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Hoặc trước đây, đối với các *tội phản cách mạng* do tính chất nghiêm trọng của nhóm tội phạm này mà Điều 2 Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng ngày 30/10/1967 đã quy định: “*Ám mưu phạm tội và hành động phạm tội đều bị trừng trị*”.

## 2.2. Phạm tội chưa đạt và chuẩn bị phạm tội

Chuẩn bị phạm tội được hiểu là trường hợp một người tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện phạm tội hoặc tạo ra những điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện tội phạm. Chuẩn bị phạm tội là giai đoạn đầu của hành động phạm tội, là bước tiếp theo để cụ thể hóa ý định phạm tội. Chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt - cả hai đều là những dạng của trường hợp tội phạm chưa hoàn thành (hay theo cách gọi khác của TSKH. PGS. Lê Cẩm là trường hợp hoạt động phạm tội sơ bộ) [9]. Hai giai đoạn này là các trường hợp phạm tội đều bị dừng lại là do những nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn của chủ thể thực hiện hành vi, đồng thời “do nguyên nhân ngoài ý muốn” chính là căn cứ *pháp lý* chung cho cả hai trường hợp đã nêu, cũng như phân biệt với trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội. Mặc dù vậy, qua nghiên cứu Bộ luật hình sự năm 1985 trước đây (và năm 1999 hiện hành cho thấy), theo PGS. TS. Lê Thị Sơn, sự thể hiện nội dung này mới chỉ được cụ thể hóa qua quy định về phạm tội chưa đạt mà chưa thể hiện trong quy chuẩn bị phạm tội của Bộ luật hình sự



Ngoài ra, ở trường hợp *thứ nhất* (chuẩn bị phạm tội), người phạm tội chưa bắt tay vào việc thực hiện hành vi phạm tội được quy định trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm tương ứng thuộc Phần các tội phạm Bộ luật hình sự (có nghĩa là hành vi chưa xâm phạm đến các quan hệ xã hội được luật hình sự xác lập và bảo vệ), mà chỉ mới thực hiện những hành vi tạo ra các điều kiện thuận lợi, cần thiết cho việc thực hiện tội phạm nhanh chóng về sau. Trong khi đó, ở trường hợp *thứ hai* (phạm tội chưa đạt), chủ thể đã thực sự bắt tay vào việc thực hiện tội phạm, các quan hệ xã hội được luật hình sự xác lập và bảo vệ đã bắt đầu bị xâm hại, hậu quả đã gây ra cho xã hội, nên mức độ nguy hiểm cho xã hội của trường hợp này rõ ràng cao hơn so với trường hợp *thứ nhất*, đồng thời sẽ đặc biệt nguy hiểm hơn nếu không có căn cứ “do nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn” ngăn chặn lại việc tiếp tục để hành vi phạm tội đó tiếp diễn. Do đó, về hậu quả *pháp lý*, người thực hiện hành vi trong trường hợp chuẩn bị phạm tội lại không phải chịu trách nhiệm hình sự (trừ *hai* trường hợp đặc biệt - khi một người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc một tội đặc biệt nghiêm trọng), còn đối với trường hợp phạm tội chưa đạt thì tất cả các trường hợp, người thực hiện hành vi đó đều phải chịu trách nhiệm hình sự trên những cơ sở chung tương ứng và điều này cũng được cụ thể hóa trong Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành (Điều 52).

### 2.3. Phạm tội chưa đạt và tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội

Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là trường hợp một người tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng mặc dù khách quan không có gì ngăn cản. Như vậy, điều kiện để được coi là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội khi: 1) Việc chấm dứt thực hiện ý định hoặc hành vi phạm tội của người phạm tội phải “tự nguyện” và “dứt khoát”, có nghĩa người đó phải từ bỏ thực sự ý định phạm tội hoặc hành vi phạm tội mà họ đã bắt đầu, chứ không phải tạm thời dừng lại chốc lát để chờ cơ hội, điều kiện thuận lợi khác hay chuẩn bị kỹ lưỡng và đầy đủ hơn công cụ, phương tiện phạm tội sẽ tiếp tục phạm

tội; 2) Việc chấm dứt thực hiện tội phạm phải và chỉ xảy ra trong trường hợp tội phạm được thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội và giai đoạn phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành, chứ không thể xảy ra ở giai đoạn phạm tội chưa đạt đã hoàn thành hay giai đoạn tội phạm hoàn thành; 3) Điều kiện khách quan không có gì ngăn cản việc thực hiện, nếu người phạm tội muốn thực hiện tội phạm, họ hoàn toàn có thể tiến hành được.

Như vậy, nếu người phạm tội tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là xuất phát từ *do ý muốn chủ quan* của bản thân họ quyết định không tiếp tục thực hiện tội phạm nữa nên ở góc độ nào đó, hành vi này được xem là đã mất tính nguy hiểm cho xã hội. Trong khi đó, đối với hành vi phạm tội chưa đạt việc người phạm tội không tiếp tục thực hiện tội phạm nữa lại là *do nguyên nhân khách quan* tác động (chứ không phải do *chủ quan* như tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội) mà không thực hiện được tội phạm đến cùng. Do đó, nếu người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự trên những cơ sở chung, thì người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội lại không phải chịu trách nhiệm hình sự mà họ được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm (nếu hành vi phạm tội của họ không cấu thành tội phạm khác, còn trường hợp nếu cấu thành tội phạm khác, thì họ phải chịu trách nhiệm hình sự trên những cơ sở chung tương ứng).

### 2.4. Phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành

Tội phạm hoàn thành là trường hợp một người đã thực hiện hành vi thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu được mô tả trong cấu thành tội phạm tương ứng của Phần các tội phạm Bộ luật hình sự. Về phương diện *lý luận*, sự khác nhau cơ bản giữa tội phạm hoàn thành với tội phạm chưa hoàn thành (bao gồm cả chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt) là ở *mức độ* thỏa mãn các dấu hiệu trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm đến đâu. Theo đó, đối với trường hợp phạm tội chưa đạt (mà đặc biệt là trường hợp phạm tội chưa đạt *đã* hoàn thành) có gần với tội phạm hoàn thành của nó



phạm tương ứng vì về cơ bản ở đây hành vi phạm tội đã hoàn thành. Nếu trường hợp tội phạm hoàn thành thì hậu quả của tội phạm đã xảy ra, còn trường hợp phạm tội chưa đạt đã hoàn thành thì hậu quả của tội phạm có thể chưa xảy ra hoặc nếu có xảy ra (là trường hợp phổ biến) nhưng lại không thỏa mãn (đáp ứng) như cấu thành tội phạm mà điều luật tương ứng trong Phần các tội phạm Bộ luật hình sự đã quy định.

Như vậy, để phân biệt chính xác tội phạm chưa hoàn thành hay đã hoàn thành trong thực tiễn chúng ta chỉ cần làm sáng tỏ hành vi phạm tội đã thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu của cấu thành tội phạm được quy định trong Phần các tội phạm Bộ luật hình sự hay chưa. Nói một cách khác, giai đoạn phạm tội chưa đạt được tính từ thời điểm người phạm tội đã bắt tay vào thực hiện tội phạm, có nghĩa họ bắt đầu thực hiện bất kỳ hành vi nào được mô tả trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm hoặc thậm chí có trường hợp là các hành vi đi liền trước hành vi khách quan đó, trong khi đối với giai đoạn tội phạm hoàn thành, thì người phạm tội đã thực hiện hết các hành vi thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu được mô tả trong cấu thành tội phạm tương ứng của Phần các tội phạm Bộ luật hình sự. Cho nên, nếu xem xét về *mức độ nguy hiểm cho xã hội* thì hành vi trong trường hợp tội phạm hoàn thành đương nhiên có mức độ nguy hiểm cho xã hội cao hơn và do đó, có tính nghiêm trọng hơn so với hành vi phạm tội chưa đạt và logic đương nhiên là, người thực hiện tội phạm hoàn thành phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn đối với người thực hiện hành vi trong giai đoạn phạm tội chưa đạt. Điều này cũng được cụ thể hóa trong Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành (Điều 52).

### 2.5. Phạm tội chưa đạt và tội phạm kết thúc

Tội phạm kết thúc là trường hợp hành vi phạm tội của chủ thể đã chấm dứt thực sự trên thực tế do các nguyên nhân khác nhau và thời điểm hành vi phạm tội chấm dứt cũng chính là thời điểm tội phạm kết thúc. Do đó, ở một chừng mực nhất định, phạm tội chưa đạt và tội phạm kết thúc cũng tồn tại sự giao nhau [11]

(trùng nhau) nếu hành vi phạm tội chưa đạt bị ngăn cản bởi nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn, thì có nghĩa tội phạm cũng kết thúc và hoàn thành đối với giai đoạn phạm tội. Theo đó, trường hợp này có thể là phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành - nếu chưa hoàn thành về hành vi và chưa hoàn thành về hậu quả; hoặc có thể là chưa đạt đã hoàn thành - nếu đã hoàn thành về hành vi và chưa hoàn thành về hậu quả (hậu quả đã xảy ra nhưng chưa phù hợp với mặt khách quan của cấu thành tội phạm nào đó trong Phần các tội phạm Bộ luật hình sự).

Ngoài ra, đối với trường hợp tội phạm kết thúc thì hành vi đã thực sự chấm dứt hoàn toàn có thể do bất kỳ lý do nào (trong khi phạm tội chưa đạt chỉ do nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn của người phạm tội), như: có thể do ý muốn chủ quan của người phạm tội hoặc có thể không, - do bị các nguyên nhân khách quan ngăn cản, mặc dù người phạm tội không quan tâm đến việc hành vi đó đã đủ cấu thành tội phạm hay chưa. Như vậy, thời điểm hoàn thành của phạm tội chưa đạt và thời điểm tội phạm kết thúc là không trùng nhau (trừ trường hợp khi bị tác động (ngăn chặn) bởi nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn như đã phân tích trên). Đồng thời, trách nhiệm hình sự đối với trường hợp phạm tội chưa đạt hay tội phạm kết thúc tùy từng trường hợp mà xem xét, đồng thời nó còn phụ thuộc vào từng cấu thành tội phạm, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, cũng như hành vi phạm tội diễn ra trên thực tế ra sao về kết thúc khi nào, song về cơ bản, đã là phạm tội chưa đạt thì tất cả các trường hợp, người thực hiện hành vi đó đều phải chịu trách nhiệm hình sự trên những cơ sở chung tương ứng và điều này cũng được cụ thể hóa trong Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành (Điều 52).

### 3. Các kiến nghị hoàn thiện Bộ luật hình sự năm 1999 liên quan đến một số hình thức phạm tội trong quá trình thực hiện tội phạm

Tóm lại, phạm tội chưa đạt là một giai đoạn của tội phạm chưa hoàn thành và hành vi phạm tội chưa đạt được thực hiện dưới hình



cô ý trực tiếp. Vừa qua, Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ V nước ta đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự ngày 19/06/2009 và Luật này có hiệu lực từ ngày 01/01/2010, song tiếc rằng một số quy định về các hình thức phạm tội trong quá trình thực hiện tội phạm chưa được các nhà làm luật Việt Nam quan tâm trong lần sửa đổi, bổ sung này. Do đó, qua nghiên cứu các hình thức phạm tội trong quá trình thực hiện tội phạm và vấn đề trách nhiệm hình sự đối với các trường hợp đó, chúng tôi xin đề xuất và có một số kiến nghị về mặt *lập pháp* hình sự như sau:

3.1. Về cơ sở của trách nhiệm hình sự, Điều 2 Bộ luật hình sự quy định: “Chỉ người nào phạm *một tội* đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự” theo chúng tôi cần sửa lại nội dung cho chính xác hơn, ví dụ “*ít nhất một tội đã được...*”, nếu không sẽ dẫn đến cách hiểu sai là: “chỉ người nào phạm *một tội... mới phải* chịu trách nhiệm hình sự, *còn phạm từ hai, ba... tội* trở lên thì *không phải* chịu trách nhiệm hình sự”. Tương ứng như vậy, đoạn 2 Điều 17 Bộ luật hình sự quy định về chuẩn bị phạm tội “Người chuẩn bị phạm *một tội* rất nghiêm trọng hoặc *một tội* đặc biệt nghiêm trọng, thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện” cũng cần sửa lại là “Người chuẩn bị phạm *ít nhất một tội* rất nghiêm trọng hoặc...” nếu không lại dẫn đến cách hiểu sai là “Người chuẩn bị phạm *hai tội* rất nghiêm trọng hoặc...” thì không phạm tội?.

3.2. Về các khái niệm chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội và tội phạm hoàn thành [12] cần được các nhà làm luật nước ta ghi nhận định nghĩa lập pháp ở mức độ khái quát nhất trong Bộ luật hình sự.

3.3. Về phạm tội chưa đạt, cần bổ sung và giải thích khái quát vào Điều 18 Bộ luật hình sự hai trường hợp “phạm tội chưa đạt *chưa* hoàn thành” và “phạm tội chưa đạt *đã* hoàn thành” để có cơ sở pháp lý truy cứu trách nhiệm hình sự

chính xác và bảo đảm *công bằng* trong việc xử lý và áp dụng trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong từng trường hợp tương ứng, vì mức độ nguy hiểm cho xã hội của phạm tội chưa đạt *đã* hoàn thành bao giờ cũng cao hơn phạm tội chưa đạt *chưa* hoàn thành.

3.4. Về trường hợp miễn trách nhiệm hình sự do tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội (Điều 19), các nhà làm luật nước ta cần quy định rõ trong luật việc áp dụng trường hợp này đối với cả người tổ chức, người xúi giục và người giúp sức (chứ không chỉ riêng người thực hành), đồng thời cũng cần thay cụm từ “việc phạm tội” bằng “tội phạm” mới chính xác, phù hợp với thực tiễn xét xử và bao quát hành vi của tất cả những người đồng phạm, chứ không chỉ riêng bản thân một loại người đồng phạm là người thực hành [13]. Do đó, bổ sung thêm khoản 2 vào Điều 19 Bộ luật hình sự như sau: “... Người tổ chức, người xúi giục hoặc người giúp sức được miễn trách nhiệm hình sự nếu các biện pháp tích cực mà họ áp dụng đã ngăn chặn được việc thực hiện tội phạm đến cùng của người thực hành”.

3.5. Về quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt quy định tại khoản 2-3 Điều 52 Bộ luật hình sự: “... 2. Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là không quá hai mươi năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt *không quá một phần hai mức phạt tù* mà điều luật quy định; 3. Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì chỉ có thể áp dụng các hình phạt này trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; nếu là tù có thời hạn thì *mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù* mà điều luật quy định”. Tuy nhiên, các nhà làm luật nước ta lại chưa quy định rõ: không quá *một phần hai* (1/2) hay không quá *ba phần tư* (3/4) mức pl điều luật quy định là của mức phạt tù



hay mức phạt tù *thấp nhất* hay chia trung bình chung mức phạt tù mà điều luật quy định?. Do đó, theo chúng tôi cần sửa đổi theo hướng “mức phạt tù” được hiểu chính là “mức phạt tù *cao nhất*” mà điều luật tương ứng về tội phạm đó đã quy định [14], vì có như vậy mới phù hợp với lý luận và thực tiễn, đồng thời mới bảo đảm nguyên tắc *công bằng* và *phân hóa* trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam.

Tóm lại, việc làm sáng tỏ các hình thức phạm tội khác nhau trong quá trình thực hiện tội phạm và hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các hình thức phạm tội này đóng vai trò giúp cho công tác điều tra, truy tố và xét xử được tiến hành đúng đắn, đồng thời qua đó còn thực hiện tốt *ba* nhiệm vụ chính trị - xã hội và pháp lý quan trọng, mà cụ thể là: 1) Nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; 2) Bảo đảm yêu cầu xử lý đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, tránh làm oan người vô tội và; 3) Tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc định tội danh, quyết định hình phạt, cũng như áp dụng các chế định pháp lý hình sự khác có căn cứ, khách quan và đúng pháp luật đối với người phạm tội.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Văn Cẩm, *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự* (Phần chung), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2005.
- [2] Đào Trí Úc, *Luật hình sự Việt Nam* (Quyển I-Những vấn đề chung), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000.
- [3] Can Ueda, *Tội phạm và tội phạm học ở Nhật Bản hiện đại* (Nguyễn Xuân Yêm và Hồ Trọng Ngũ biên dịch), NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 1994.
- [4] X.X.A-lêch-xây-ép, *Pháp luật trong cuộc sống của chúng ta* (người dịch: Đồng Ánh Quang, người hiệu đính: Nguyễn Đình Lộc), NXB Pháp lý, Hà Nội, 1986.
- [5] Nguyễn Ngọc Chí, Chương XII, Các giai đoạn phạm tội, Trong sách: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)* (do TSKH. Lê Cẩm chủ biên), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2007
- [6] Lâm Minh Hạnh, Chương III, Các giai đoạn phạm tội, Trong sách: *Những vấn đề lý luận cơ bản về tội phạm trong luật hình sự Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1986.
- [7] Trịnh Quốc Toàn, *Một số vấn đề về giai đoạn phạm tội chưa đạt*, Tạp chí Khoa học (chuyên san Kinh tế-Luật), số 4/2002, tr.39-40.
- [8] Nghị quyết số 02-HĐTP ngày 5/1/1986 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về “*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ Luật hình sự*” (Mục III - Chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt).
- [9] Lê Văn Cẩm, *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự* (Phần chung), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2005.
- [10] Lê Thị Sơn, Bài 4, Một số vấn đề về các giai đoạn thực hiện tội phạm, Trong sách: *Luật hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 1997.
- [11] Nguyễn Thị Thảo, *Phạm tội chưa đạt theo luật hình sự Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Khóa luận tốt nghiệp cử nhân Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.
- [12] Lê Văn Cẩm, *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự* (Phần chung), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2005.
- [13] Lê Cẩm, Chế định miễn trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam, Trong sách: *Nhà nước và pháp luật Việt Nam trước thềm thế kỷ XXI* (do TSKH. Lê Cẩm chủ biên), NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2002.
- [14] Trịnh Tiến Việt, Tiếp tục hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự trước yêu cầu mới của đất nước, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 14(7)/2008, tr.17.





## Uncompleted criminal and some other forms of criminals in committing crime

Trinh Tien Viet

*School of Law, Vietnam National University, Hanoi,  
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

From the theoretical study of the periods of committing crime, the authors analyzed concepts and signs of uncompleted criminal, distinguish uncompleted criminal with some forms of other criminals in the committing crime. On that basis, the authors propose ideas for reforming of the Penal Code of 1999 relating to the forms of this offender.

